**PHỤ LỤC SỐ 03**

ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG DI CHUYỂN CÂY TRỒNG
*(Kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 16/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**PHẦN 1: BẢNG ĐƠN GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Loại cây | Đơn vị tính | Chỉ tiêu và quy cách xác định | Đơn giá (đồng) |
| 1 | Cây chưa cho thu hoạch, cây cảnh trồng dưới đất có thể di chuyển | Cây | Đường kính thân từ 25 cm trở lên | 420.000 |
| Đường kính thân từ 15 cm đến dưới 25 cm | 188.000 |
| Đường kính thân nhỏ hơn 15 cm | 82.000 |
| 2 | Cây cảnh trồng trong chậu | Chậu | Cây trồng trong chậu có đường kính chậu hoặc trung bình cạnh mặt chậu trên 200cm | 2.456.000 |
| Cây trồng trong chậu có đường kính chậu hoặc trung bình cạnh mặt chậu từ 150cm đến 200cm | 1.858.000 |
| Cây trồng trong chậu có đường kính chậu hoặc trung bình cạnh mặt chậu từ 100cm đến dưới 150cm | 827.000 |
| Cây trồng trong chậu có đường kính chậu hoặc trung bình cạnh mặt chậu từ 70cm đến dưới 100cm | 367.000 |
| Cây trồng trong chậu có đường kính chậu hoặc trung bình cạnh mặt chậu từ 50 cm đến dưới 70cm | 168.000 |
| Cây trồng trong chậu có đường kính chậu hoặc trung bình cạnh mặt chậu từ 20 cm đến dưới 50 cm | 49.000 |
| 3 | Vườn ươm cây giống | m2 | Cây trong bầu | 13.000 |

**PHẦN II. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG ĐƠN GIÁ**

**1. Làm tròn số kiểm kê:** Theo mục 1 phần II Phụ lục số 01 Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng.

**2. Cách xác định đường kính thân cây:** Theo tiểu mục a mục 4 phần II Phụ lục số 01 Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng.

**3.** Đối với cây cảnh trồng trong chậu: Trường hợp không có trong đơn giá tại Phụ lục số 03 thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng căn cứ các định mức, đơn giá tương tự theo quy định để lập dự toán làm cơ sở xác định giá trị để bồi thường đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.